

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 334/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp
khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải

được quy hoạch, điều tra, đánh giá và thăm dò đầy đủ; được quản lý tập trung, thống nhất; được khai thác, sử dụng bền vững, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Công tác quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phải có tầm nhìn chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt, trung và dài hạn; hài hòa giữa bảo tồn và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản với chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; giữa quy hoạch khoáng sản với các quy hoạch có liên quan sử dụng đất, không gian biển để đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

3. Điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phải đi trước một bước, đảm bảo có đủ thông tin làm cơ sở xây dựng quy hoạch khoáng sản, dự trữ khoáng sản quốc gia, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung điều tra, đánh giá các khoáng sản chiến lược, quan trọng. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kết hợp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản theo quy hoạch, kế hoạch. Thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải được tổng hợp đầy đủ, toàn diện, được quản lý tập trung, thống nhất.

4. Thăm dò khoáng sản phải đánh giá đầy đủ trữ lượng, tài nguyên và chất lượng các loại khoáng sản có trong khu vực thăm dò. Khai thác phải gắn với chế biến khoáng sản nhằm tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao; phải sử dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thu hồi tối đa khoáng sản, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia. Sử dụng khoáng sản phải tiết kiệm, hiệu quả theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Xuất khẩu khoáng sản trên nguyên tắc ưu tiên bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

5. Quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo đảm công bằng xã hội, tôn trọng nguyên tắc của thị trường trong hoạt động địa chất, khoáng sản trên nền tảng tài nguyên số. Nguồn lực tài nguyên khoáng sản phải được ưu tiên đầu tư để phát triển kinh tế, an sinh xã hội cho địa phương và

người dân nơi có khoáng sản được khai thác; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, người dân và doanh nghiệp; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; giảm dần sử dụng nhiên liệu hóa thạch, hướng tới mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cơ bản hoàn thành công tác điều tra địa chất, đánh giá các khoáng sản chiến lược, quan trọng phần đất liền; điều tra địa chất, khoáng sản vùng biển ven bờ, hải đảo; phát hiện, điều tra khoáng sản vùng biển sâu, xa bờ; điều tra các điều kiện địa chất khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, dự trữ khoáng sản quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai.

- Thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2045 đối với các khoáng sản: than, urani, titan - zircon, đất hiếm, apatit, đồng, niken, thiếc, bauxit, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác; cân đối giữa khai thác với dự trữ khoáng sản quốc gia đối với một số khoáng sản chiến lược, quan trọng, quy mô lớn (urani, đất hiếm, apatit, bauxit, titan, than, cát trắng, đá hoa trắng) làm cơ sở phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; đầu tư công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản đạt trình độ các nước tiên tiến khu vực châu Á và các nước phát triển, hình thành công nghiệp khai khoáng tiên tiến, hiện đại gắn với bảo vệ môi trường, mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon; chấm dứt các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu đến năm 2025

- Hoàn thành 80% diện tích lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Tây Bắc, Trung Trung Bộ.

- Điều tra địa chất, khoáng sản một số khu vực biển đến độ sâu 300 m nước và 1.500 m tỷ lệ 1:500.000; điều tra đặc điểm cấu trúc địa chất, địa chất công trình, địa động lực, tài nguyên, môi trường vùng biển ven bờ tỷ lệ 1:100.000.

- Điều tra, khoanh vùng cảnh báo tai biến trượt lở đất đá, lũ quét tại các tỉnh miền núi có nguy cơ cao; điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về địa chất, khoáng sản đồng bộ, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đối với các khoáng sản: than, bauxit, titan - zircon, apatit, sắt, chì - kẽm, đồng, niken, thiếc, mangan, cromit, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác.

- Chấm dứt các cơ sở chế biến khoáng sản manh mún, công nghệ lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường.

- Phát huy hiệu quả các nhà máy chế biến khoáng sản hiện có gắn với nguồn nguyên liệu ổn định, đầu tư mới công nghệ, cải tạo nâng cấp thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm, có tính cạnh tranh trên thị trường; đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến các loại khoáng sản theo quy hoạch gắn với nguồn nguyên liệu tập trung ổn định. Đầu tư có hiệu quả dự án khai thác, chế biến quặng cromit tại Cổ Định (Thanh Hóa); khắc phục các tồn tại Dự án Nhà máy gang thép Lào Cai và có giải pháp tổ chức khai thác và sử dụng hiệu quả mỏ sắt Quý Xa.

b) Mục tiêu đến năm 2030

- Hoàn thành 85% diện tích lập bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền; hoàn thành điều tra, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các cấu trúc có triển vọng ở các khu vực Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ.

- Điều tra địa chất đô thị khu vực thành phố trực thuộc Trung ương.

- Điều tra, đánh giá lập bản đồ tai biến địa chất, địa chất môi trường các tỉnh thuộc khu vực miền núi, vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long; điều tra lập bản đồ di sản địa chất toàn quốc; hoàn thành điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ; điều tra, đánh giá cát, sỏi, vật liệu xây dựng các lưu vực sông.

- Hoàn thành điều tra địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các khu vực biển ven bờ có triển vọng khoáng sản sa khoáng và vật liệu xây dựng; điều tra địa chất tỷ lệ 1:500.000 một số vùng biển sâu, vùng biển quốc tế liền kề, gắn với tìm kiếm, phát hiện các khoáng sản biển sâu (kết hạch, vôi sắt - mangan, khí hydrate,...).

- Đầu tư bổ sung hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại phục vụ có hiệu quả công tác điều tra địa chất, khoáng sản.

- Tiếp tục thăm dò đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đến năm 2045 đối với các khoáng sản chiến lược, quan trọng quy mô lớn: than, bauxit, đất hiếm, urani, titan - zircon, apatit, đồng, niken, cát thủy tinh và một số khoáng sản khác; ưu tiên thăm dò các mỏ quặng ẩn sâu đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến các loại đối với các khoáng sản có quy mô lớn.

- Hình thành các khu công nghiệp chế biến khoáng sản với công nghệ tiên tiến, có quy mô tương xứng với tiềm năng của từng loại khoáng sản, đồng bộ với phát triển cơ sở hạ tầng khu vực; đẩy mạnh việc phát triển các dự án khai thác, chế biến đối với một số khoáng sản bauxit, titan-zircon, đất hiếm, niken; đánh giá hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững để xem xét đầu tư có hiệu quả với công nghệ tiên tiến, an toàn môi trường các dự án khai thác, tuyển quặng mỏ sắt Thạch Khê, titan Bình Thuận.

- Hoàn thành việc chuyển đổi toàn diện công nghệ, thiết bị các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản nhỏ lẻ, chế biến đá làm vật liệu xây dựng quy mô nhỏ bảo đảm an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trước năm 2030.

- Phát triển công nghệ chế biến sâu các loại khoáng sản trên cơ sở phát huy nội lực, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực về địa chất, khoáng sản nhằm phục vụ chủ yếu nhu cầu nền kinh tế; xuất khẩu khoáng sản sau chế biến trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản đối các khoáng sản có quy mô lớn, không giữ vai trò khoáng sản chiến lược, các khoáng sản còn lại khai thác chế biến theo nhu cầu trong nước; cân đối dự trữ khoáng sản quốc gia làm cơ sở phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

- Hoàn thành điều tra lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000, đánh giá tiềm năng khoáng sản tại các khu vực có triển vọng trên phần đất liền; hoàn thành lập bản đồ địa chất khoáng sản biển tỷ lệ 1:500.000 vùng nước sâu, vùng biển quốc tế liền kề và tỷ lệ 1:100.000 vùng ven bờ đến độ sâu 300 m nước; phát hiện, điều tra các khoáng sản ở vùng biển Việt Nam.

- Hoàn thành điều tra, lập bản đồ di sản địa chất, công viên địa chất trên phạm vi toàn quốc.

- Điều tra địa chất đô thị không gian ngầm các thành phố, khu đô thị lớn.

- Điều tra, lập bản đồ địa hóa đất - vô phong hóa, cảnh báo tai biến địa chất chi tiết các khu vực miền núi và trung du; điều tra địa chất môi trường phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản.

- Tiếp tục thăm dò các khoáng sản quan trọng chiến lược (urani, đồng, niken, apatit, đất hiếm, kim loại hiếm), ưu tiên thăm dò các mỏ quặng ẩn sâu đáp ứng nhu cầu khai thác, chế biến đối với các khoáng sản có quy mô lớn.

- Hình thành nền công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản tiên tiến, hiện đại gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tương đương với các nước tiên tiến khu vực châu Á.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Về địa chất

- Ưu tiên thực hiện và hoàn thành lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền, các đảo; điều tra địa chất khoáng sản biển tỷ lệ 1:500.000, điều tra, phát hiện, khoanh định các khu vực có triển vọng khoáng sản, nhất là các khoáng sản chiến lược, quan trọng.

- Đánh giá tổng thể tiềm năng các khoáng sản chiến lược, quan trọng gồm: đất hiếm, khoáng sản phóng xạ (urani-thori), kim loại hiếm (liti, berili, coban), kim loại đang thiếu hụt (vàng, thiếc-wolfram, đồng, niken), các khoáng chất công nghiệp, khoáng sản làm vật liệu xây dựng và các khoáng sản bổ sung thay thế cát, sỏi lòng sông.

- Tập trung điều tra, dự báo tai biến địa chất các tỉnh miền núi, trung du; thiết lập hệ thống công nghệ nhận dạng viễn thám toàn diện cho các khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai biến địa chất, phân vùng rủi ro, tổng hợp và hình thành mô hình quản lý rủi ro tai biến địa chất để phục vụ công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Thực hiện giám sát và cảnh báo sớm các khu vực nguy hiểm tiềm ẩn tai biến địa chất điển hình, xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo sớm thiên tai địa chất quốc gia. Thực hiện điều tra địa chất công trình, đánh giá nguy cơ tiềm ẩn tai biến địa chất phục vụ các dự án quan trọng quốc gia và quy hoạch, xây dựng các cụm đô thị trọng điểm. Xây dựng nền tảng thông tin tai biến địa chất quốc gia, kết nối thực hiện chia sẻ thông tin thiên tai địa chất và cập nhật liên kết động, hỗ trợ và phục vụ hiệu quả công tác quản lý, phòng chống tai biến địa chất.

- Điều tra, đánh giá lập bản đồ địa chất môi trường chi tiết, bản đồ địa hóa đất và vỏ phong hóa tại các tỉnh thuộc khu vực miền núi và trung du; hoàn thành điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ; hoàn thành điều tra địa chất công trình, địa động lực, tài nguyên, môi trường các khu vực biên ven bờ; điều tra, đánh giá, khoan định các cấu trúc địa chất thuận lợi để chôn lấp các-bon và các chất độc hại khác.

- Điều tra, đánh giá tài nguyên của các di sản địa chất quan trọng tại các vùng trọng điểm phát triển du lịch, lập bản đồ di sản địa chất toàn quốc; đề xuất chính sách bảo vệ, hỗ trợ quản lý tài nguyên di sản địa chất, phát triển giá trị của tài nguyên địa chất trong phát triển du lịch, kinh tế xã hội địa phương. Tăng cường điều tra địa chất đô thị một số thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Về khoáng sản

- Rà soát, khoan định các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia (than, apatit, cromit, chì - kẽm, titan, bauxit, sắt laterit, đá hoa trắng, cát trắng, đất hiếm) phải trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành; cân đối giữa nhu cầu sử dụng theo quy hoạch và dự trữ lâu dài để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

- Hoạt động thăm dò tuân thủ theo quy hoạch, phù hợp với tiềm năng từng loại khoáng sản.

- Nhóm khoáng sản nhiên liệu, năng lượng:

+ Khoáng sản than đá: thực hiện theo Chiến lược phát triển ngành công nghiệp than đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Tiếp tục thăm dò quặng urani, quặng thori ở các khu vực có tiềm năng tại Quảng Nam và một số khu vực có triển vọng khác.

+ Khuyến khích thăm dò các nguồn năng lượng từ địa nhiệt.

- Nhóm khoáng sản kim loại:

+ Quặng titan: hoàn thành các đề án thăm dò đã cấp phép và thăm dò mới các khu vực khoáng sản ở Thái Nguyên; Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Thuận gắn với nhu cầu khai thác cung cấp quặng cho các dự án chế biến sâu.

+ Quặng bauxit: trước năm 2030 thăm dò bổ sung các khu vực có triển vọng đáp ứng nhu cầu khai thác cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy alumin đầu tư theo quy hoạch; ưu tiên thăm dò để khai thác trước các khu vực quy hoạch phát triển đô thị, các dự án cấp bách phát triển hạ tầng giao thông, phát triển kinh tế - xã hội.

+ Quặng sắt: hoàn thành các đề án đã cấp phép và thăm dò mới, thăm dò mở rộng các tại các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lào Cai, Yên Bái, Thanh Hóa, Quảng Ngãi. Sau năm 2030, thăm dò mới và thăm dò xuống sâu đối với các mỏ có triển vọng; thăm dò quặng sắt laterit khu vực tỉnh Gia Lai. Hoàn thành việc nghiên cứu bổ sung, đánh giá toàn diện các điều kiện về địa chất và môi trường mỏ Thạch Khê trước năm 2030.

+ Quặng đất hiếm: hoàn thành công tác thăm dò đối với các mỏ đất hiếm đã cấp phép ở Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái. Sau năm 2030, thăm dò mới, thăm dò bổ sung các khu vực đã cấp phép khai thác đáp ứng nhu cầu cho các dự án chế biến đất hiếm.

+ Quặng đồng: đẩy mạnh công tác thăm dò các mỏ đồng tại tỉnh Lào Cai, Sơn La, Kon Tum, Gia Lai, trong đó tập trung thăm dò dưới sâu và các mỏ ẩn sâu.

+ Khoáng sản niken: hoàn thành các đề án thăm dò đã cấp phép, đẩy mạnh công tác thăm dò khu vực tỉnh Sơn La trước năm 2030.

+ Quặng chì - kẽm: đẩy mạnh thăm dò dưới sâu, thăm dò mở rộng các khu mỏ đang khai thác phục vụ các dự án chế biến kim loại chì, kẽm.

+ Khoáng sản vàng: chỉ thăm dò đối với mỏ vàng gốc.

+ Đối với các loại khoáng sản kim loại khác: thực hiện thăm dò theo quy hoạch, đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ các dự án chế biến, ưu tiên phục vụ nhu cầu trong nước.

- Khoáng sản không kim loại.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu xi măng: thăm dò các mỏ đá vôi, sét đã được quy hoạch cho các dự án xi măng, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

+ Khoáng sản cho công nghiệp vôi: thăm dò đá vôi, dolomit các khu vực theo quy hoạch.

+ Khoáng sản đá hoa trắng: hoàn thành các dự án thăm dò đã cấp phép, thăm dò mới một số khu vực khi có nhu cầu.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu gốm sứ - thủy tinh: đẩy mạnh thăm dò các loại khoáng sản (kaolin, feldpat, dolomit, cát trắng,...) làm nguyên liệu phát triển ngành công nghiệp gốm sứ - thủy tinh.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu ốp lát, mỹ nghệ: thăm dò các loại đá đạt tiêu chuẩn ốp lát, trang trí theo quy hoạch.

+ Quặng apatit: tiếp tục thăm dò mở rộng phân dưới sâu các khu mỏ đã và đang khai thác.

+ Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: thăm dò theo quy hoạch, đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Các khoáng sản nước nóng, nước khoáng: đẩy mạnh thăm dò xác định trữ lượng, chất lượng các nguồn nước khoáng, nước nóng để khai thác sử dụng có hiệu quả, hợp lý theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Đối với dầu khí: thực hiện theo Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam và Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Về công nghiệp khai khoáng

- Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản tuân thủ quy hoạch, sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, phù hợp với tiềm năng từng loại khoáng sản; thu hồi tối đa thành phần có ích, kiểm soát, bảo vệ môi trường.

- Đối với các loại khoáng sản có quy mô, trữ lượng lớn, tập trung, dự án khai thác mỏ phải gắn với dự án chế biến sâu sử dụng công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, bảo vệ môi trường bền vững.

- Nghiên cứu, sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác vật liệu xây dựng ở chân sườn đồi, núi, dọc theo các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ để bảo vệ cảnh quan, môi trường, an ninh, quốc phòng.

- Sử dụng khoáng sản phải đảm bảo cân đối, hài hòa giữa xuất khẩu, nhập khẩu, trước hết đảm bảo nhu cầu sử dụng trong nước, cung cấp nguyên liệu cho các dự án chế biến, chỉ xuất khẩu khoáng sản đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Nhóm khoáng sản nhiên liệu, năng lượng:

+ Khoáng sản than đá: thực hiện theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu, lựa chọn công nghệ tiêm cận trình độ thế giới để khai thác thử nghiệm, tiến tới khai thác công nghiệp tại một số khu vực thuộc bể than đồng bằng sông Hồng bảo đảm môi trường và phát triển bền vững.

+ Khuyến khích khai thác sử dụng các nguồn năng lượng từ địa nhiệt.

- Nhóm khoáng sản kim loại:

+ Quặng titan: sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến khai thác, tuyển, chế biến để thu hồi tối đa khoáng sản chính và khoáng sản đi kèm, đảm bảo hiệu quả kinh tế, môi trường; từng bước hình thành các cụm công nghiệp chế biến quặng titan vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đồng bộ với hạ tầng, đảm bảo môi trường; ưu tiên nguồn nguyên liệu để đẩy mạnh đầu tư chế biến sâu với sản phẩm pigment và các sản phẩm chế biến sâu hơn.

+ Quặng bauxit: khai thác quặng bauxit, sản xuất alumin, nhôm kim loại phải đồng bộ với phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển, cung cấp điện, đảm bảo cân

đổi nguồn nước cho các dự án, đảm bảo hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường, gắn với quốc phòng, an ninh. Chế biến quặng bauxit tạo ra sản phẩm công nghiệp phù hợp với thị trường trong nước, việc đầu tư sản xuất nhôm kim loại thực hiện theo cơ chế thị trường. Xây dựng tỉnh Đắk Nông trở thành Trung tâm công nghiệp khai thác và chế biến bauxit - alumin - nhôm đồng bộ, tương xứng với tiềm năng khoáng sản bauxit vùng Tây Nguyên.

+ Quặng sắt: ưu tiên khai thác quặng sắt phục vụ dự án sản xuất gang, thép trong nước; nghiên cứu công nghệ làm giàu, sử dụng quặng sắt laterit khu vực Tây Nguyên, các loại quặng sắt nghèo. Khắc phục các tồn tại, xem xét đầu tư có hiệu quả, an toàn dự án khai thác, tuyển quặng mỏ Thạch Khê, mỏ Quý Xa và dự án gang thép Lào Cai.

+ Quặng đất hiếm: phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến và sử dụng quặng đất hiếm vùng trung du và miền núi phía Bắc một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững; sản phẩm công nghiệp sau chế biến phù hợp với trình độ công nghệ, nhu cầu thị trường, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường. Đến năm 2025, các mỏ đã cấp phép khai thác phải hoàn thành xây dựng cơ bản, đầu tư nghiên cứu công nghệ chế biến ra sản phẩm đất hiếm hỗn hợp dạng carbonat đạt 99%.

+ Quặng đồng: đầu tư mở rộng cơ sở chế biến đồng kim loại tại Lào Cai và các khu vực khác. Các dự án khai thác phải gắn với địa chỉ sử dụng cho các dự án chế biến trong nước.

+ Quặng chì - kẽm: duy trì các khu mỏ đang khai thác phục vụ các dự án chế biến kim loại chì, kẽm; đầu tư mới một số dự án tại các tỉnh: Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Yên Bái, Điện Biên, Quảng Bình; có cơ chế khuyến khích khai thác, chế biến quặng nghèo.

+ Khoáng sản vàng: khai thác, chế biến quặng vàng phải sử dụng công nghệ tiên tiến, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, nguồn nước.

+ Đối với các loại khoáng sản kim loại khác: khai thác phải gắn với dự án chế biến, ưu tiên phục vụ nhu cầu trong nước.

- Khoáng sản không kim loại.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu xi măng: khai thác các mỏ đá vôi, sét đã được quy hoạch cho các dự án xi măng, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

+ Khoáng sản cho công nghiệp vôi: khai thác đá vôi, dolomit để phát triển hợp lý ngành công nghiệp vôi và luyện kim.

+ Khoáng sản đá hoa trắng: khai thác, chế biến đá hoa tại Nghệ An, Yên Bái và ở các khu vực khác; hạn chế khai thác quy mô nhỏ.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu gốm sứ - thủy tinh: đẩy mạnh khai thác các loại khoáng sản (kaolin, fenspat, dolomit, cát trắng,...) làm nguyên liệu phát triển ngành công nghiệp gốm sứ - thủy tinh. Chế biến trên cơ sở cân đối nhu cầu trong nước và đảm bảo dự trữ khoáng sản.

+ Khoáng sản làm nguyên liệu ốp lát: khai thác các loại đá đạt tiêu chuẩn ốp lát, trang trí phù hợp nhu cầu trong nước.

+ Quặng apatit: khai thác phải gắn với chế biến sâu, đẩy mạnh áp dụng công nghệ tuyển và sử dụng triệt để quặng nghèo, đầu tư nghiên cứu hoàn thiện công nghệ tuyển quặng apatit loại II, nghiên cứu công nghệ tuyển quặng apatit loại IV để nâng cao hiệu quả, sử dụng tiết kiệm tài nguyên; kiểm soát chặt chẽ môi trường tại các cơ sở chế biến apatit. Cân đối nhu cầu sử dụng để điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

+ Nhóm khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường: khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường phải gắn với an toàn lao động. Kịp thời ban hành các quy định để quản lý chặt chẽ, có hiệu quả tài nguyên cát, sỏi lòng sông, cát biển, đất san lấp; khuyến khích sử dụng các khoáng sản, vật liệu, chất thải công nghiệp khác thay thế cát, sỏi lòng sông.

- Các khoáng sản nước nóng, nước khoáng: việc đầu tư khai thác, sử dụng phải có hiệu quả, tiết kiệm, có biện pháp bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường, gắn với phát triển bền vững.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

- Tổng kết, đánh giá đầy đủ kết quả sau 10 năm thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010; bổ sung đầy đủ các chính sách mới đối với công tác điều tra cơ bản địa chất, về tài nguyên địa chất; sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung các chính sách trong lĩnh vực khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Hoàn thành xây dựng dự thảo Luật Khoáng sản (sửa đổi) trình Quốc hội khóa XV trong năm 2024.

- Quy định cụ thể về nội dung điều tra cơ bản tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất) và các điều kiện địa chất khác (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình,...). Tiếp tục hoàn thiện các quy định về lập bản đồ địa chất khoáng sản, địa chất đô thị và các loại bản đồ chuyên ngành địa chất khác...

- Bổ sung, hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện cơ chế quản lý theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch, chống lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Rà soát, điều chỉnh thuế suất thuế tài nguyên một số khoáng sản nhằm khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất, khai thác mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém.

- Hoàn thiện chính sách xuất - nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài, xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản.

- Quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để tái đầu tư phát triển, an sinh xã hội cho địa phương và người dân nơi khoáng sản được khai thác.

- Hoàn thiện chính sách khuyến khích hợp tác, đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong khai thác, chế biến khoáng sản nhằm làm chủ công nghệ tiên tiến chuyển giao từ các nước phát triển, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước tiên tiến về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai

khoáng; khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, nhất là đối với những khoáng sản quan trọng, nhằm tăng dự trữ khoáng sản trong nước.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Hoàn thành lập, phê duyệt: Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản theo quy định của Luật Quy hoạch trong năm 2023.

- Thực hiện quản lý thống nhất nhà nước về địa chất, khoáng sản; quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chất, khoáng sản, phục vụ đa mục tiêu (quốc phòng, an ninh, giao thông, xây dựng, công thương, nông nghiệp ...). Hoàn thiện mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, trong đó có hệ thống cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khoáng sản từ trung ương đến địa phương trước năm 2025 theo hướng tăng cường nguồn nhân lực để hình thành các đơn vị thanh tra chuyên ngành khoáng sản theo vùng hoặc khu vực nhằm kiểm soát chặt chẽ hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong công tác quy hoạch, cấp phép thăm dò, khai thác.

- Tăng cường hiệu quả công tác thống kê, kiểm kê tài nguyên khoáng sản; cập nhật kịp thời biến động về tài nguyên, trữ lượng khoáng sản hàng năm.

- Tăng cường, nâng cao năng lực cơ quan thanh tra chuyên ngành theo hướng áp dụng khoa học, công nghệ để kiểm tra, giám sát từ sớm, từ xa và liên tục, tích hợp chuyển đổi số trong công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế và bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản, đảm bảo công tác quản trị tài nguyên khoáng sản công khai, minh bạch.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều tra địa chất, khoáng sản, tạo lập cơ sở dữ liệu thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, đảm bảo tiến độ chuyển đổi số ngành địa chất, khoáng sản đã được Chính

phủ phê duyệt; đến năm 2025 công tác cấp phép hoạt động khoáng sản được thực hiện trên nền tảng số, thống nhất quy trình cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trên cả nước.

- Áp dụng các mô hình quản trị tài nguyên khoáng sản minh bạch, hiệu quả của thế giới để áp dụng vào Việt Nam; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của địa phương, người dân nơi khoáng sản được khai thác; lượng hóa và hoạch toán đầy đủ giá trị tài nguyên khoáng sản vào nền kinh tế.

- Ưu tiên cấp phép dự án khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm trong khai thác khoáng sản; gắn với địa chỉ sử dụng khoáng sản, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; cải tạo, mở rộng nâng cấp các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm, bảo vệ môi trường theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

3. Tăng cường nguồn lực thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản

- Ưu tiên đầu tư nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm đẩy nhanh công tác điều tra cơ bản về địa chất, khoáng sản.

- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về địa chất, khoáng sản; đổi mới chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án đánh giá khoáng sản.

- Tăng cường năng lực, đổi mới thiết bị, công nghệ trong điều tra địa chất, khoáng sản, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

- Hoàn thiện chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản. Xây dựng chế độ đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành địa chất, khoáng sản phù hợp với đặc thù nghề nghiệp theo nhóm ngành, nghề.

- Hàng năm, các địa phương lập kế hoạch bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách của địa phương để bảo vệ khoáng sản chưa khai thác. Rà soát, bổ sung cơ chế tài chính để các địa phương triển khai các nhiệm vụ theo thẩm quyền.

4. Nâng cao chất lượng các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản

- Nâng cao chất lượng dự báo thị trường.

- Nâng cao chất lượng dự án, năng lực của chủ đầu tư khi cấp phép hoạt động khoáng sản, cấp phép đầu tư dự án; kiểm soát, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý kỹ thuật, an toàn các dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các bộ, địa phương trong quản lý nhà nước về khoáng sản.

- Rà soát đề xuất điều chỉnh sản lượng khai thác một số loại khoáng sản theo hướng ưu tiên cho nhu cầu sử dụng trong nước.

5. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, hiệu quả, có độ tin cậy cao trong công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản.

- Hoàn thành việc chuyển đổi toàn diện công nghệ, thiết bị các cơ sở khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng quy mô nhỏ bảo đảm an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trước năm 2030; khuyến khích hợp tác chuyển giao công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại theo mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng than hợp lý hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm trong nghiên cứu, điều tra không gian ngầm, điều tra các khoáng sản ẩn sâu, điều tra di sản địa chất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất - khoáng sản và quản trị tài nguyên khoáng sản; hợp tác nghiên cứu công nghệ khai thác than nâu vùng đồng bằng sông Hồng; cải tạo, phục hồi môi trường, cảnh quan sau khai thác khoáng sản.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trong Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ; các nhiệm vụ và giải pháp trong Chiến lược này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chiến lược.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược; đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chiến lược, báo cáo và kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Chiến lược được thực hiện hiệu quả và đồng bộ.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan lập, triển khai thực hiện Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

- Chỉ đạo thực hiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra không gian ngầm, điều tra các khoáng sản ẩn sâu, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất - khoáng sản và quản trị tài nguyên khoáng sản; hợp tác nghiên cứu công nghệ khai thác than nâu vùng đồng bằng sông Hồng.

3. Bộ Công Thương

- Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng và các địa phương lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao; định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Xây dựng

- Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương và các địa phương lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Chiến lược theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước được giao; định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, trình cấp có thẩm quyền cân đối vốn đầu tư ngân sách nhà nước chi cho đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản của Chiến lược theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Bộ Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách trung ương, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn phù hợp với quy định pháp luật về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng để thực hiện Chiến lược.

7. Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan, nghiên cứu rà soát cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý nhằm khuyến khích, thúc đẩy việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ để hiện đại hóa công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

8. Các bộ, ngành khác có liên quan căn cứ chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ được giao có trách nhiệm đề xuất, tổ chức thực hiện các đề án, dự án phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện Chiến lược đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà